

Bản án số 918/2024/HS-PT

Ngày 14/11/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Biểu, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 384/2024/TLPT-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Gia L phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2024/HS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Phạm Gia L, sinh năm 1956; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 5, phường Hai Bà Tr, thành phố Phủ L2, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Tổ dân phố Vũ X, phường Yên B, thị xã Duy T1, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Hưu trí (nguyên Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Hà Nam); trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; con ông Phạm Gia L1 và bà Trương Thị Nh (đều đã chết); vợ là Nguyễn Thị C và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2023 đến ngày 13/10/2023 được tại ngoại; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Gia L:*** Luật sư Lê Đình U - Văn phòng luật sư Thiên U, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

**** Các bị cáo không kháng cáo, được triệu tập:***

1. Nguyễn Thành N, sinh năm 1958; nơi cư trú: số 167 đường Quy L2, tổ 8, phường Minh Kh, thành phố Phủ L1, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

2. Trương Minh H, sinh năm 1960; nơi cư trú: số 5, đường Ngô Thì Nh1, phường Lam H1, thành phố Phủ L1, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3. Vũ Hữu S, sinh năm 1959; nơi ĐKHKT: số 124 đường Quy L2, phường Minh Kh, thành phố Phủ L1, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: số 2, đường Nguyễn Thành L3, phường Lam H1, thành phố Phủ L1, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

*** Nguyên đơn dân sự không kháng cáo được triệu tập:** Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam; địa chỉ: số 90 đường Trần Phú, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Ông Nguyễn Anh T - Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Hà Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Tiến Đ (viết tắt là Công ty Tiến Đ) và Công ty TNHH Vận tải Châu Gi (viết tắt là Công ty Châu Gi) do Nguyễn Văn D là Giám đốc từ năm 2010 đến tháng 3/2021, đã thực hiện việc khai thác trái phép khoáng sản tại khu vực núi Hang Diêm, xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (Nhà máy sản xuất công bê tông và gạch không nung) và tại diện tích đất do Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam (gọi tắt là Trung tâm cai nghiện) quản lý, sử dụng. Các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Hà Nam đã khởi tố điều tra, truy tố, xét xử Nguyễn Văn D và những người liên quan về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”; Vũ Văn Đ1 và Nguyễn Duy Trinh (đều nguyên là Giám đốc Trung tâm cai nghiện) về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Quá trình điều tra mở rộng hai vụ án nêu trên đã xác định được các hành vi liên quan đến quyết định giao đất cho Công ty Tiến Đ xây dựng Nhà máy sản xuất công bê tông và gạch không nung và Dự án làm sân rèn luyện thể lực tại Trung tâm cai nghiện, như sau:

1. Dự án đầu tư xây dựng san đồi đất làm sân để tổ chức các hoạt động rèn luyện thể lực cho đối tượng lao động xã hội tại Trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội nay là Trung tâm cai nghiện và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam:

Trung tâm cai nghiện là đơn vị sự nghiệp có thu, trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam, có chức năng chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội đối với đối tượng mại dâm, nghiện ma túy. Trung tâm cai nghiện có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước. Trung tâm cai

nghiên không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình.

Ngày 10/8/2009, Trung tâm cai nghiện có Tờ trình số 20/TTr-TTCBGD LĐXH gửi Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh Hà Nam với nội dung: *Cho phép Trung tâm lập dự án san lấp tại vị trí quả đồi đất (đã lấy ½ quả đồi) và quả đồi liền kề để tạo mặt bằng làm nơi tổ chức các hoạt động rèn luyện thể lực, thể thao cho người cai nghiện ma túy, gái mại dâm; cho phép Trung tâm được ký hợp đồng với doanh nghiệp để tạo nguồn kinh phí phục vụ việc san lấp mặt bằng; Trung tâm cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành của Nhà nước, của tỉnh về bảo vệ môi trường và sử dụng có hiệu quả diện tích đất đã được san lấp để phục vụ nhiệm vụ của đơn vị.*

Sau khi nhận được tờ trình trên, Phạm Gia L đã chỉ đạo Vũ Văn Đ1, Giám đốc Trung tâm cai nghiện soạn thảo tờ trình đề L báo cáo xin ý kiến UBND tỉnh Hà Nam. Ngày 21/8/2009, Phạm Gia L ký Tờ trình số 49/TT-LĐTBXH gửi UBND tỉnh Hà Nam, với nội dung: *...Cho phép Trung tâm lập dự án san lấp tại các vị trí quả đồi đất (đã lấy ½ quả đồi) để san lấp mặt bằng làm sân tổ chức các hoạt động rèn luyện thể lực cho người cai nghiện ma túy; cho phép Trung tâm được ký hợp đồng với các doanh nghiệp để tạo nguồn kinh phí phục vụ việc san lấp mặt bằng; Sở Lao động sẽ chỉ đạo Trung tâm, các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành của Nhà nước, của tỉnh về bảo vệ môi trường và sử dụng có hiệu quả diện tích đất đã giao cho Trung tâm...*

Ngày 24/9/2009, UBND tỉnh Hà Nam có Văn bản số 1302/UBND-GTXD về việc đầu tư xây dựng sân rèn luyện thể lực cho đối tượng lao động xã hội gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam và Trung tâm cai nghiện, với nội dung: *Nhất trí về chủ trương cho phép thực hiện đầu tư xây dựng hạng mục san đồi đất làm sân để tổ chức các hoạt động rèn luyện thể lực cho đối tượng lao động xã hội của Trung tâm, tại vị trí quả đồi đất trong mặt bằng của Trung tâm. Yêu cầu Trung tâm báo cáo Sở Xây dựng điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng mặt bằng và xác định cao độ mặt sân, cao độ san đồi lấy đất phù hợp; Doanh nghiệp thực hiện thi công lấy đất đồi làm sân phải cam kết về tiến độ, biện pháp thi công, đảm bảo môi trường, an ninh trật tự và cam kết bồi thường, hoàn trả đường từ Trung tâm ra QL21 nếu bị hỏng do vận chuyển đất; Sở Lao động bổ sung hạng mục làm sân vào dự án đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục lao động xã hội để xin kinh phí hỗ trợ của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Yêu cầu Trung tâm triển khai thực hiện đầu tư xây dựng hạng mục làm sân theo quy định hiện hành.*

Do quen biết Nguyễn Văn D từ trước nên sau khi nhận được Văn bản số 1302/UBND-GTXD ngày 24/9/2009 của UBND tỉnh Hà Nam thì tại phòng làm việc của mình, Phạm Gia L đã giới thiệu Nguyễn Văn D với Vũ Văn Đ1 đồng thời trao

đôi để D và Đ1 bàn bạc, thống nhất được thì ký hợp đồng cùng thực hiện việc san gạt đồi đất làm sân thể dục tại Trung tâm cai nghiện.

Ngày 22/10/2009, Trung tâm cai nghiện có Văn bản số 27/CVXD-TT (trong văn bản có chữ ký xác nhận của Phạm Gia L) gửi Sở Xây dựng tỉnh Hà Nam đề nghị phê duyệt điều chỉnh tổng mặt bằng quy hoạch Trung tâm cai nghiện giai đoạn II. Ngày 18/11/2009, Sở Xây dựng tỉnh Hà Nam có Văn bản số 20/M.B.Q.H gửi Trung tâm cai nghiện về việc chấp thuận phương án điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng theo quy hoạch. Ngày 08/12/2009, Trung tâm cai nghiện có Tờ trình số 37/TTR-TTCBGDLĐXH (trong tờ trình có chữ ký xác nhận của Phạm Gia L) gửi UBND tỉnh Hà Nam về việc xin điều chỉnh và bổ sung một số hạng mục thuộc dự án xây dựng Trung tâm cai nghiện giai đoạn II.

Trên cơ sở ý kiến trao đổi của Phạm Gia L, ngày 03/11/2010, Vũ Văn Đ1 và Nguyễn Văn D ký Hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT/TTCBGDLĐXH về việc thi công đất đồi làm sân rèn luyện thể lực cho người cai nghiện, cho phép Công ty Châu Gi được chở đất sau khi san gạt ra khỏi Trung tâm cai nghiện và phải trả cho Trung tâm cai nghiện 150.000.000 đồng. Vũ Văn Đ1 và Nguyễn Văn D khai nhận có báo cáo lại nội dung hợp đồng để Phạm Gia L biết. Trong thời gian Nguyễn Văn D thực hiện Hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT/TTCBGDLĐXH thì Vũ Văn Đ1 và sau này là Nguyễn Duy Trinh - Giám đốc Trung tâm cai nghiện (được điều động thay Đ1 làm Giám đốc Trung tâm cai nghiện) còn ký nhiều hợp đồng, biên bản thỏa thuận với D để thực hiện một số hạng mục tại Trung tâm cai nghiện như Biên bản thỏa thuận số 01/BBTT ngày 01/10/2014, Hợp đồng kinh tế số 04/HĐKT ngày 08/9/2015, Hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT/TTĐTNTMT ngày 11/3/2019. Khi thực hiện các hợp đồng trên, Nguyễn Văn D đã một mình thỏa thuận bằng miệng, thuê và chỉ đạo người khác thực hiện việc khai thác trái phép khoáng sản tại khu đất của Trung tâm cai nghiện quản lý, sử dụng.

Quá trình điều tra, Phạm Gia L thừa nhận biết Công ty Châu Gi của Nguyễn Văn D chuyên khai thác khoáng sản; biết việc khai thác khoáng sản trong Trung tâm cai nghiện vận chuyển ra ngoài thì phải có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền nhưng vì muốn Trung tâm cai nghiện có thêm cơ sở vật chất mà không phải mất kinh phí nên đã để cho Vũ Văn Đ1 ký hợp đồng với Nguyễn Văn D, tạo điều kiện cho D khai thác trái phép khoáng sản tại Trung tâm cai nghiện. Lời khai của Phạm Gia L phù hợp với lời khai của Vũ Văn Đ1 và Nguyễn Văn D. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hà Nam xác định Phạm Gia L đồng ý cho Công ty Châu Gi san lấp quả đồi đã lấy 1/2 nên Phạm Gia L phải chịu trách nhiệm đối với khối lượng mà Công ty Châu Gi khai thác trái phép gây thiệt hại cho Nhà nước đối với trị giá khoáng sản tại quả đồi này.

*** Kết quả giám định, định giá:**

- Ngày 16/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hà Nam ra Quyết định số 48/QĐ-VPCQCSĐT trưng cầu Trung tâm phân tích thí nghiệm địa chất thuộc Tổng cục địa chất và khoáng sản Việt Nam giám định đối với 13 (mười ba) mẫu vật đã thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường. Ngày 20/5/2022, Trung tâm phân tích thí nghiệm địa chất có Văn bản số 27/2022, kết luận: Các mẫu được giám định có ký hiệu từ GD2 đến GD6 là Sét dùng để sản xuất xi măng (*đá sét dùng để sản xuất xi măng*); Mẫu có ký hiệu GD1 có 02 mẫu trong đó có 01 mẫu là Sét dùng để sản xuất xi măng (*đá sét dùng để sản xuất xi măng*), còn 01 mẫu là Sét thông thường.

- Ngày 08/6/2022, Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường có Văn bản số 70/BCGT-TTKTTN&MT xác định: Khối lượng khoáng sản đã bị khai thác từ năm 2010 đến năm 2022 là 773.628,42m³ nguyên khối, cụ thể: Đồi số 1 là 39.753,38m³ nguyên khối; Đồi số 2 là 312.180,08m³ nguyên khối; Đồi số 3 là 262.106,32m³ nguyên khối; Đồi số 4 là 159.588,64m³ nguyên khối.

- Ngày 09/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Hà Nam xác định trị giá của 39.753,38m³ Sét thông thường chưa được khai thác tại khu đất thuộc Trung tâm cai nghiện và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam, thời điểm từ năm 2010 đến năm 2020. Xác định trị giá của 733.875,04m³ Sét dùng để sản xuất xi măng (*đá sét dùng để sản xuất xi măng*) chưa được khai thác theo từng năm?

Ngày 14/6/2022, Hội đồng định giá có Kết luận định giá tài sản số 13/KLĐG, kết luận:

+ Trị giá 39.753,38m³ Sét thông thường do không phân tích và xếp loại được thành phần của Sét thông thường dùng để sử dụng vào mục đích gì nên Hội đồng không có đủ cơ sở để xác định giá trị.

+ Trị giá của 733.875,04m³ Sét dùng để sản xuất xi măng chưa được khai thác do chưa phân khai khối lượng cụ thể của từng năm, vì vậy Hội đồng không có đủ cơ sở để xác định giá trị.

+ Trị giá của 01m³ sét thông thường chưa được khai thác do không phân tích và xếp loại được thành phần của sét thông thường dùng để sử dụng vào mục đích gì nên Hội đồng không có đủ cơ sở để xác định giá trị.

+ Trị giá 01m³ sét dùng để sản xuất xi măng chưa được khai thác trong các năm như sau:

TT	Tên tài sản	Thời điểm định giá	Đơn giá (đồng/m ³)
1	Đá sét sản xuất xi măng	Từ ngày 15/01/2010 đến 30/3/2011	15.000
2	Đá sét sản xuất xi măng	Từ ngày 31/3/2011 đến 31/12/2012	30.000

3	Đá sét sản xuất xi măng	Từ ngày 01/01/2013 đến 28/8/2014	70.000
4	Đá sét sản xuất xi măng	Từ ngày 29/8/2014 đến 01/7/2017	80.000
5	Đá sét sản xuất xi măng	Từ ngày 01/7/2017 đến 31/12/2017	80.000
6	Đá sét sản xuất xi măng	Năm 2018	83.000
7	Đá sét sản xuất xi măng	Năm 2019	86.000
8	Đá sét sản xuất xi măng	Năm 2020	90.000

Căn cứ vào bảng đơn giá Đá sét sản xuất xi măng (Sét dùng để sản xuất xi măng) trên địa bàn tỉnh Hà Nam từ năm 2010 đến năm 2020 do Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Hà Nam cung cấp, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hà Nam xác định: Trị giá 312.180,08m³ nguyên khối Sét dùng để sản xuất xi măng tại quả đồi số 2 trong khu đất do Trung tâm quản lý liên quan đến trách nhiệm của Phạm Gia L theo Tờ trình số 49 là 4.682.701.200 đồng.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Trong vụ án này, hành vi phạm tội của các bị cáo dẫn đến Công ty Tiến Đ khai thác tài nguyên trái phép gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Ngày 27/12/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã xét xử buộc Nguyễn Văn D phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ trị giá khoáng sản đã khai thác trái phép với số tiền 58.938.236.000 đồng cho ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn nêu cụ thể hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành N, Trương Minh H, Vũ Hữu S đối với Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất công bê tông và gạch không nung xi măng cốt liệu tại xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo này không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không đề cập xem xét.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2024/HS-ST ngày 07/02/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 356; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Phạm Gia L; Tuyên bố bị cáo Phạm Gia L phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”; Xử phạt bị cáo Phạm Gia L 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/8/2023 đến ngày 13/10/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thành N, Trương Minh H, Vũ Hữu S; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 18/02/2024, bị cáo Phạm Gia L kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, trường hợp cho rằng bị cáo phải chịu trách nhiệm trong thời gian làm Giám đốc Sở

Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam quản lý Trung tâm cai nghiện thì đề nghị xem xét công bằng, khách quan về hành vi và mức án cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Gia L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khách quan, toàn diện vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Kháng cáo của bị cáo Phạm Gia L trong hạn luật định, đủ điều kiện được xem xét tại cấp phúc thẩm.

Xét kháng cáo của bị cáo: Bị cáo Phạm Gia L nguyên là Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam, bị cáo biết rõ Công ty Châu Gi khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng san đồi đất làm sân tại Trung tâm cai nghiện chớ đất đá ra ngoài, biết việc vận chuyển đất đá ra khỏi Trung tâm cai nghiện phải có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, biết rõ Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam, Trung tâm cai nghiện và bản thân mình không có thẩm quyền cho phép khai thác khoáng sản trong phạm vi đầu tư xây dựng công trình nhưng khi được người quen giới thiệu với mục đích tạo điều kiện cho Công ty Châu Gi, đồng thời giúp Trung tâm cai nghiện có kinh phí phục vụ việc san lấp mặt bằng nên đã trực tiếp giới thiệu, trao đổi để Công ty Châu Gi ký hợp đồng với Trung tâm cai nghiện, cho phép Công ty Châu Gi vận chuyển đất đá ra ngoài Trung tâm cai nghiện, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước là 4.682.701.200 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Gia L đã phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại khoản 3 Điều 356 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình công tác trước đó, bị cáo Phạm Gia L được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng nhì, hạng ba; được Thủ tướng Chính phủ tặng nhiều bằng khen; được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội tặng nhiều bằng khen, kỷ niệm chương; được Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam tặng nhiều bằng khen, danh hiệu chiến sỹ thi đua nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Gia L về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 3 Điều 356 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; mức hình phạt 05 năm tù là phù hợp. Việc bị cáo bị xét xử chung với các bị cáo khác nhưng đã được xem xét, quy kết lượng khoáng sản của ½ quả đồi do bị cáo cho phép khai thác nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo.

Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Gia L mức án khởi điểm của khung liên kề là phù hợp; tuy nhiên xét bị cáo đã cao tuổi (68 tuổi), bị cáo thừa nhận có ký tờ trình, bị cáo không được hưởng lợi, bị cáo có nhiều thành tích trong quá trình công tác, do vậy đề

ngợi Hội đồng xét xử giám cho bị cáo từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vụ án chưa được điều tra đầy đủ, khách quan, toàn diện. Hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT/TTCBGDLĐXH ký giữa Nguyễn Văn D và Vũ Văn Đ1 là không hợp pháp vì hợp đồng được đóng dấu sau 02 năm kể từ ngày ký, dấu giáp lai trên hợp đồng thì lộn xộn, nội dung trong hợp đồng thì mâu thuẫn. Bị cáo Phạm Gia L không có sự chỉ đạo gì đối với Nguyễn Văn D và Vũ Văn Đ1 trong việc ký kết Hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT/TTCBGDLĐXH. Về số tiền 150 triệu đồng D chuyển cho Trung tâm cai nghiện thì chỉ có D và Đ1 biết, bị cáo L hoàn toàn không biết. Khi bị cáo chuyển công tác sang Sở Nội vụ thì hai quả đồi vẫn chưa được khai thác. Qua ảnh viễn thám của Trung tâm viễn thám trung ương chụp vào tháng 3/2012 khi bị cáo chuyển đi thì hai quả đồi vẫn còn nguyên. Vậy trách nhiệm đối với hậu quả xảy ra thuộc về Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam mới nếu quy kết trách nhiệm cho người đứng đầu. Do vậy, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Phạm Gia L đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xem xét khách quan, toàn diện về tội danh và hình phạt cho bị cáo hoặc hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Gia L trong hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Gia L, Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Gia L khai nhận: Bị cáo là Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh Hà Nam và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở; trực tiếp phụ trách công tác thẩm định, phê duyệt các đề án, dự án thuộc thẩm quyền của ngành; đối với Trung tâm cai nghiện và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh là đơn vị trực thuộc Sở. Sau khi nhận được Tờ trình 20/TTr-TTCBGDLĐXH về việc xin chấp thuận chủ trương san lấp mặt bằng vị trí quả đồi làm sân tổ chức các hoạt động rèn luyện thể lực nhằm nâng cao sức khỏe cho người cai nghiện. Bị cáo đã chỉ đạo Trung tâm cai nghiện soạn thảo và ký Tờ trình số 49/TT-LĐTBXH ngày 21/8/2009 gửi UBND tỉnh Hà Nam. Đến ngày 24/9/2009, UBND tỉnh Hà Nam có Văn bản số 1302/UBND-

GTXD nhất trí chủ trương cho phép thực hiện đầu tư xây dựng sân rèn luyện thể lực cho đối tượng lao động xã hội gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam và Trung tâm cai nghiện. Do có quen biết với Nguyễn Văn D nên bị cáo có giới thiệu D với Vũ Văn Đ1 - Giám đốc Trung tâm cai nghiện để thực hiện việc san gạt làm sân tại Trung tâm cai nghiện. Tuy nhiên, về nội dung hợp đồng và quá trình làm dự án thì Đ1 và D không báo cáo nên bị cáo không biết và không kiểm tra. Bản thân bị cáo chỉ làm Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến tháng 3/2012 nhưng bị cáo buộc liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản cả giai đoạn (từ năm 2010 đến 2022) là không phù hợp. Do đó, bị cáo không nhất trí việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 3 Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Phạm Gia L thừa nhận có ký Tờ trình số 49/TT-LĐTBXH ngày 21/8/2009. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tranh tụng công khai, có đủ cơ sở kết luận: Sau khi nhận được Tờ trình số 20/TTr-TTCBGDLĐXH ngày 10/8/2009 của Vũ Văn Đ1 - Giám đốc Trung tâm cai nghiện về việc san lấp mặt bằng làm nơi rèn luyện thể lực, thể thao cho người cai nghiện tại Trung tâm thì Phạm Gia L không thảo luận, thông qua tập thể lãnh đạo Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam, không tuân theo quy chế làm việc của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam (ban hành kèm theo Quyết định số 250/QĐ-LĐTBXH ngày 26/11/2008 do chính bị cáo ký); bị cáo biết rõ Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam không có nguồn kinh phí để cấp cho Trung tâm cai nghiện thực hiện dự án nhưng đã trực tiếp ký Tờ trình số 49/TT-LĐTBXH đề nghị UBND tỉnh Hà Nam cho phép Trung tâm cai nghiện lập dự án san lấp tại quả đồi đã lấy $\frac{1}{2}$ để san lấp mặt bằng làm sân tổ chức các hoạt động; Cho phép Trung tâm cai nghiện được ký Hợp đồng với các doanh nghiệp để tạo nguồn kinh phí phục vụ việc san lấp mặt bằng, nghĩa là doanh nghiệp phải hỗ trợ Trung tâm tiền để Trung tâm có nguồn kinh phí phục vụ việc san lấp mặt bằng xây dựng sân thể dục, thể thao; nhận trách nhiệm sẽ chỉ đạo Trung tâm, các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành của Nhà nước, của tỉnh về bảo vệ môi trường và sử dụng có hiệu quả diện tích đất đã giao cho Trung tâm để phục vụ nhiệm vụ quản lý, chữa bệnh, chăm sóc, giáo dục người cai nghiện ma túy, gái mại dâm. Mặc dù tờ trình này phần nơi nhận có ghi “GD, PGĐ Sở” nhưng bị cáo không gửi tờ trình này đến các Phó Giám đốc Sở mà trực tiếp cầm tờ trình đến UBND tỉnh Hà Nam. Sau khi nhận được Văn bản số 1302/UBND-GTXD ngày 24/9/2009 của UBND tỉnh Hà Nam, với động cơ, mục đích tạo điều kiện giúp Nguyễn Văn D có việc làm và Trung tâm cai nghiện không phải tìm doanh nghiệp, nên Phạm Gia L đã giới thiệu Nguyễn Văn D với Vũ Văn Đ1 ký hợp đồng san gạt đồi đất làm sân rèn luyện thể lực cho Trung tâm cai nghiện. Ngày 03/11/2010, Nguyễn Văn D đại diện Công ty Châu Gi và Vũ Văn Đ1 đại diện Trung

tâm cai nghiện ký Hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT/TTCBGDLĐXH về việc thi công lấy đất đồi làm sân rèn luyện thể lực cho người cai nghiện thì Vũ Văn Đ1 đã báo cáo với Phạm Gia L về việc ký kết hợp đồng kinh tế với D. Phù hợp với lời khai của Phạm Gia L có biết việc Trung tâm cai nghiện ký hợp đồng với Công ty Châu Gi từ khoảng cuối năm 2010, đầu năm 2011. Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyễn Văn D và Vũ Văn Đ1 đều khai nhận Hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT/TTCBGDLĐXH là do D và Đ1 trực tiếp ký đúng thời gian 03/11/2010, có đóng dấu đúng quy định và có báo cáo với Phạm Gia L. Về con dấu của Công ty Châu Gi, Nguyễn Văn D khai là dấu của Công ty đã được đăng ký tại Công an tỉnh Hà Nam. Lời khai của Nguyễn Văn D phù hợp với văn bản trình bày của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội PC06 - Công an tỉnh Hà Nam. Kể từ thời điểm nhận được Văn bản số 1302 ngày 24/9/2009 đến khi chuyển công tác vào tháng 3/2012 thì Phạm Gia L không chỉ đạo Trung tâm cai nghiện bổ sung hạng mục làm sân vào Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở giáo dục lao động xã hội để xin kinh phí hỗ trợ của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội theo chỉ đạo của UBND tỉnh Hà Nam tại Văn bản số 1302 ngày 24/9/2009; không yêu cầu Trung tâm cai nghiện báo cáo tiến độ việc san gạt ở các quả đồi để xây dựng sân luyện tập thể thao; không trực tiếp hay chỉ đạo đơn vị, cá nhân nào kiểm tra tiến độ việc san gạt; khi chuyển công tác bị cáo không bàn giao việc thực hiện Dự án san gạt tại Trung tâm cai nghiện cho người kế nhiệm. Kết quả khám nghiệm hiện trường, giám định, định giá tài sản xác định Nguyễn Văn D đã khai thác từ năm 2010 đến năm 2022 tại 4 quả đồi với khối lượng là 773.628,42m³. Nhưng do Tờ trình số 49/TT-LĐTĐ của Phạm Gia L ký đề nghị UBND tỉnh Hà Nam cho phép Trung tâm cai nghiện lập dự án san lấp tại quả đồi (đã lấy 1/2) để san lấp mặt bằng làm sân tổ chức các hoạt động. Sau đó bị cáo đã giới thiệu để Công ty Châu Gi ký Hợp đồng với Trung tâm cai nghiện dẫn đến Nguyễn Văn D khai thác trái phép khoáng sản. Do vậy, bị cáo Phạm Gia L phải chịu trách nhiệm đối với trị giá khoáng sản mà Nguyễn Văn D đã khai thác trái phép tại quả đồi này (quả đồi số 2) là 312.180,08m³ Sét dùng để sản xuất xi măng có giá trị 4.682.701.200 đồng (Bốn tỷ, sáu trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm linh một nghìn, hai trăm đồng).

Do có hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố, xét xử bị cáo Phạm Gia L về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan như nội dung kháng cáo của bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến uy tín, giảm lòng tin của nhân dân đối với các cơ quan hành chính Nhà nước.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét: Bị cáo là lãnh đạo quản lý trong cơ quan Nhà nước, có nhân thân tốt, trong thời gian công tác phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và hết lòng phục vụ nhân dân, nguyên

nhân là do bị cáo muốn đẩy nhanh sự phát triển kinh tế của tỉnh và xây dựng Trung tâm cai nghiện ngày càng phát triển. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội không có động cơ, mục đích vụ lợi, thành khẩn khai báo một phần; trong thời gian công tác được các cấp, các ngành tặng thưởng nhiều danh hiệu thi đua nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét quyết định mức hình phạt 05 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, xét bị cáo đã cao tuổi, hiện mắc nhiều bệnh, bị cáo thừa nhận có thực hiện hành vi như cấp sơ thẩm quy kết nhưng bị cáo nhận thức bản thân không phạm tội, quá trình công tác bị cáo có nhiều cống hiến nhiều cho xã hội, được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng nhì, hạng ba, được Thủ tướng Chính phủ tặng nhiều bằng khen, được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội tặng nhiều bằng khen, kỷ niệm chương; được Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam tặng nhiều bằng khen, danh hiệu chiến sỹ thi đua. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, giảm một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo phạm tội không vì vụ lợi cá nhân nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo; bị cáo đã hết tuổi lao động nên không cần thiết phải cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định theo quy định tại khoản 3 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 4 Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị bản án sơ thẩm đề điều tra, xét xử lại là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Phạm Gia L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Gia L;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2024/HS-ST ngày 07/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Gia L, cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 356; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Phạm Gia L.

Tuyên bố bị cáo Phạm Gia L phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Xử phạt bị cáo Phạm Gia L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/8/2023 đến ngày 13/10/2023.

2. Về án phí: Bị cáo Phạm Gia L không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học